

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/01/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi

con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Chiêu
2. Ông Phạm Văn Sáu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện H, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng mặt ngày 12/11/2020).

- Bị đơn: Anh B, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp I, xã K, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2020, biên bản lấy lời khai ngày 27/10/2020, nguyên đơn, chị A trình bày: Chị A và anh B xây dựng hôn nhân năm 2004, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 389, quyển số 05/2004 ngày 23/7/2007. Quá trình chung sống, chị A và anh B có hai con chung tên C, sinh ngày 27/9/2005 và D, sinh ngày 14/3/2009, hiện nay đang sống chung với anh B và ông bà nội tại ấp K, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Vợ chồng chị chung sống từ năm 2004 nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, chung sống với cha mẹ chồng, vợ chồng chị đi làm thuê chỉ đủ trang trải cuộc sống hàng ngày nên không tạo lập được tài sản chung, không thiếu nợ ai, không vay tiền, tài sản của cá nhân, tổ chức tín dụng và ngân hàng

nào, cũng không ai thiếu tiền hay tài sản của vợ chồng chị. Nguyên nhân ly hôn là do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về kinh tế và tình cảm, cha mẹ chồng khó khăn thường xuyên chửi bới, vợ chồng bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B, không yêu cầu đoàn tụ; chị đồng ý giao con chung là cháu C, sinh ngày 27/9/2005 và cháu D, sinh ngày 14/3/2009 cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với bị đơn anh B: Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã nhiều lần trực tiếp đến nhà anh B để tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu để làm việc, tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh B không đến Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên không ghi nhận được ý kiến của anh B đối với yêu cầu khởi kiện của chị A.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B. Xử cho chị A ly hôn với anh B. Giao con cho anh B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị A không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị A yêu cầu ly hôn và giải quyết về nuôi con khi ly hôn với anh B, hiện nay anh B cư trú tại ấp I, xã K, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/11/2020. Anh B đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị A và anh B chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 389, quyển số 05/2004 ngày 23/7/2007 nên hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét thấy, vợ chồng chung sống với nhau phải dựa trên cơ sở tự nguyện, cùng yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng cuộc sống hôn nhân giữa chị A và anh B đã xảy ra mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, tuy là vợ chồng nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, trong thời gian xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân chị A và anh B không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Mặc khác, theo xác minh ngày 01/12/2020, ông B1, trưởng ấp I, xã K, huyện V, tỉnh Bạc Liêu xác nhận, chị A và anh B đã sống ly thân khoảng 7 năm nay, chị A đã chuyển hộ khẩu đi nơi khác. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B, xử cho chị A được ly hôn với anh B.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị A và anh B có hai con chung tên C, sinh ngày 27/9/2005 và D, sinh ngày 14/3/2009, hiện nay đang sống chung với anh B và ông bà nội tại ấp I, xã K, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Chị A đồng ý giao hai con cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Tòa án đã đến nhà anh B để ghi nhận ý kiến của cháu C và cháu D nhưng do cháu C đi làm không có nhà nên không ghi nhận được ý kiến của cháu mà chỉ ghi nhận được ý kiến của cháu D. Cháu D có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha là anh B, có sự chứng kiến của ông nội là ông B2. Do đó, cần ghi nhận ý kiến tự nguyện của cháu D và cần ổn định về chỗ ở, tránh sự xáo trộn tâm lý của cháu C và cháu D nên cần giao cháu C và cháu D cho anh B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do không ghi nhận được ý kiến của anh B về việc có yêu cầu chị Gấm cấp dưỡng nuôi con hay không nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Sau này anh B có yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết ở một vụ kiện khác. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, chị A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A xác định vợ chồng chị chung sống từ năm 2004 nhưng do sống chung với cha mẹ chồng, vợ chồng đi làm thuê điều kiện kinh tế khó khăn nên chỉ đủ chi phí trang trải cuộc sống hàng ngày mà không tạo lập được tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, chị A phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B. Xử cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao các cháu C, sinh ngày 27/9/2005 và D, sinh ngày 14/3/2009 cho anh B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Các cháu C và D đang sống chung với anh B nên anh B được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu C và D.

2.2. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về Hôn nhân và Gia đình, chị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008280 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi nên được chuyển thu án phí.

Chị A, anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V
- UBND xã K, huyện V;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến